

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **64/2024/HS-ST**
Ngày: 08-4-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Minh Trí;

- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Long Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số 47/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Ngọc T**, sinh ngày 02/9/2005; tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre; tạm trú: Nhà trọ D, địa chỉ ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc H và bà Phạm Thị O; bị cáo chưa có chồng con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2023 cho đến nay, có mặt.

Bị hại: Cháu Huỳnh Thị Tuyết M, sinh ngày 03/11/2023; đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Hà Thị B, sinh năm 1998 và ông Huỳnh Đại L, sinh năm 1986 (là Cha, Mẹ bị hại); cùng địa chỉ: Ấp 8, xã N, huyện L, tỉnh Hậu Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Phạm Thị O, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

- Ông Phạm Văn D, sinh năm 1992; địa chỉ: Lô E, đường số 8, khu dân cư H, khu 5, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người làm chứng: Các ông bà: Lý Văn C, Lê Thị T, Đặng Văn T, Trần

Thị S, Lý Thị L, Hồ Thị Phương M, Trần Thị Mai L, Lê Thị H và Thị U; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Ngọc T có quan hệ sống chung như vợ chồng với anh Lý Văn C. Cả hai thuê phòng trọ tại Nhà trọ D, địa chỉ tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương để sinh sống và làm công nhân từ năm 2021. Quá trình sống chung, T đã mang thai 05 lần nhưng đều bị sảy thai. Đến khoảng tháng 02/2023, T tiếp tục mang thai nhưng đến giữa tháng 8/2023 T đi khám tại Phòng khám T, thuộc phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương thì biết được bản thân lại bị sảy thai. Lúc này, do lo sợ anh C biết được sẽ đánh đập nên T nảy sinh ý đi xin con của người khác (trẻ sơ sinh) đem về và nói là con của T vừa mới sinh. Đến ngày 29/10/2023 (là ngày dự sinh ghi trong kết quả siêu âm trước đó), T điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chạy đến Bệnh viện Đa khoa T, địa chỉ tại số 05, đường P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương và gọi điện thoại nói với anh C là T đi sinh để anh C không nghi ngờ.

Khoảng 09 giờ ngày 29/10/2023, T vào Khoa Sản của Bệnh viện Đa khoa T rồi đi vào ngòai phía ngoài Khoa Sản. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại cho anh C nói là T sắp sinh con. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi nghe T báo tin thì anh C và bà Lê Thị T (là bà ngoại của T) đi xe taxi đến Bệnh viện Đa khoa T thì được T dẫn vào phòng số 8 ở tầng trệt của Khoa Sản (do đây là phòng chờ sanh mà trước đó T đã đi quan sát và thấy vắng người). Tại đây, T, anh C và bà T chờ đến sáng ngày 30/10/2023 thì có một người nữ hộ lý (hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) đi đến phòng và phát cho T 01 bộ đồ bệnh nhân màu đỏ dành cho người sắp sinh và 01 ga trải giường. Đến khoảng 14 giờ ngày 30/10/2023, chị Trần Thị Mai L (là nhân viên hộ sinh của Khoa Sản) đi kiểm tra tại phòng chờ sanh và hỏi thông tin nhập viện của T thì T trả lời tên là Phạm Thị T, sinh năm 1993, quê tại tỉnh Bến Tre. Qua kiểm tra, chị L phát hiện người tên Phạm Thị T không có tên trong danh sách chờ sinh của Khoa Sản nên chị L đã yêu cầu T cùng anh C và bà T đi ra khỏi phòng. Sau khi ra khỏi phòng, T cùng anh C và bà T đi đến phòng cấp cứu của Khoa Sản tại tầng trệt ngòai. Đến khoảng 14 giờ ngày 01/11/2023, T mặc đồ bệnh nhân màu đỏ và nói với anh C là T chuẩn bị đi sinh rồi đi một mình lên lầu 2 của Khoa Sản. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T đi xuống chỗ anh C, bà T đang ngòai, nói là đã sinh được 01 bé gái nặng khoảng 3,6 kg. Anh C yêu cầu gấp con nhưng T nói do hồ sơ bệnh án bị trục trặc nên Bệnh viện chưa cho gấp con. Sau đó, T nói với anh C là đi cho con bú nhưng thực tế là T đi lên khu vực lầu 1 và lầu 2 của Khoa Sản vào các phòng sanh để hỏi xin con về nuôi.

Đến ngày 04/11/2023, anh C tiếp tục đòi gấp con nếu không được thì anh C sẽ bỏ T về quê. Do lo sợ nên T tiếp tục đi xung quanh Khoa Sản để hỏi có ai mới sinh em bé nhưng không có điều kiện nuôi thì T sẽ xin về nuôi. Đến khoảng 17 giờ ngày 04/11/2023, T tiếp tục đi xung quanh Khoa Sản, khi đi đến băng ghế

ngồi chờ thì T nhìn thấy 01 áo blouse màu trắng của bác sĩ để trên băng ghế nên T nảy sinh ý định giả làm bác sĩ của Bệnh viện rồi đi đến Khoa Sản, nếu thấy trẻ mới sinh là bé gái sẽ chiếm đoạt đem về nuôi. Tiếp đó, T mặc áo blouse vào rồi đi đến phòng 2.24 tại tầng 2 của Khoa Sản thì nhìn thấy chị Hà Thị B đang nằm cùng 01 bé gái vừa mới sinh, cân nặng khoảng 2,8 kg, T đi vào hỏi chị B đã tiêm ngừa cho bé hay chưa, chị B trả lời chưa tiêm nên T nói là để T bế bé đi tiêm. Do nhìn thấy T mặc áo blouse trắng nên chị B nghĩ rằng T là bác sĩ của Bệnh viện nên đưa con cho T. Sau khi bế được con của chị B ra khỏi phòng, T đi vào thang máy rồi cởi áo blouse trắng ra vứt trong thang máy và đi đến chỗ anh C, bà T đang ngồi, nói với anh C, bà T là con của T vừa sinh. Sau đó T cùng anh C và bà T đi ra cổng Bệnh viện, đón xe taxi do anh Đặng Văn T điều khiển chạy về nhà trọ của T tại xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đối với chị B, sau khi T bế con của chị B ra khỏi phòng được khoảng 30 phút và không thấy T quay lại nên chị B đi đến Văn phòng của Bệnh viện để hỏi thì biết được là Khoa Sản không tổ chức tiêm ngừa cho trẻ sơ sinh vào ngày 04/11/2023. Nhận thấy con của mình đã bị người khác chiếm đoạt nên chị B đến Công an phường H trình báo vụ việc. Ngay sau khi tiếp nhận tin báo, Công an phường H đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền. Qua xác minh ban đầu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một xác định được T cùng anh C và bà T đón xe taxi hiệu Toyota Vios, màu bạc, biển số 93A – 094.88 đi đến nhà trọ tại xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Đến khoảng 20 giờ ngày 04/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một phối hợp Công an xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương kiểm tra hành chính tại nhà trọ D thì phát hiện T đang ở cùng 01 bé sơ sinh nặng 2,8 kg; qua làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã bàn giao bé gái sơ sinh lại cho chị Hà Thị B.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 áo blouse trắng, có ký hiệu BS.P.V.D; 01 mắt kính bằng nhựa, có tròng màu trắng, gọng kính màu đen; 01 đôi dép nhựa, quai nẹp ngang màu đen, có sọc màu vàng-xanh, dưới đế có in chữ “40-41.225mm” và 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 4, màu đen, số seri DX4LXJ4SDPMW, số Imei 013905000916994.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị O (là Mẹ của Trần Thị Ngọc T) đã bồi thường cho phía bị hại (chị Hà Thị B và ông Huỳnh Đại L) số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); hiện chị B và anh L không yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Trần Thị Ngọc T.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 4, màu đen, số seri DX4LXJ4SDPMW, số Imei 013905000916994; 01 mắt kính bằng nhựa, có tròng màu trắng, gọng kính màu đen và 01 đôi dép nhựa, quai nẹp ngang màu đen, có sọc màu vàng-xanh, dưới đế có in chữ “40-41.225mm”; là những tài sản cá nhân của T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án trả lại cho T.

- Đối với 01 áo blouse trắng, có ký hiệu BS.P.V.D, quá trình điều tra xác định chiếc áo trên là của anh Phạm Văn D (là bác sĩ của Khoa Sản Bệnh viện Đa khoa T) nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án trả lại cho anh D.

Cáo trạng số 67/CT-VKSTDM ngày 29/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc T về tội Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi theo khoản 1 Điều 153 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 153; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc T 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Đại diện bị hại đã nhận số tiền bồi thường 10.000.000 đồng và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về vật chứng: Trả lại bị cáo Trần Thị Ngọc T 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 4, màu đen, số seri DX4LXJ4SDPMW, số Imei 013905000916994; 01 mắt kính bằng nhựa, có tròng màu trắng, gọng kính màu đen và 01 đôi dép nhựa, quai nẹp ngang màu đen, có sọc màu vàng-xanh, dưới đế có in chữ “40-41.225mm”. Trả lại cho anh Phạm Văn D 01 áo blouse trắng, có ký hiệu BS.P.V.D.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận; trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung bản cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 04/11/2023, tại phòng số 2.24 Khoa Sản của Bệnh viện

Đa khoa T, địa chỉ tại số 05, đường P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Thị Ngọc T đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối để chị Hà Thị B tin tưởng giao cháu Huỳnh Thị Tuyết M (con mới sinh của chị B) cho bị cáo T rồi bị cáo chiếm đoạt cháu M nhằm mục đích để nuôi dưỡng. Nên hành vi mà bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi” theo khoản 1 Điều 153 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý, chăm sóc, giáo dục trẻ em và xâm phạm đến quyền tự do của trẻ em. Về nhận thức, bị cáo bị cáo biết việc chiếm đoạt trẻ em là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho phía bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Đại diện bị hại đã nhận số tiền bồi thường 10.000.000 đồng và không yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Trả lại các tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội, gồm: Trả lại Trần Thị Ngọc T: 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 4, màu đen; 01 mắt kính bằng nhựa, có tròng màu trắng, gọng kính màu đen và 01 đôi dép nhựa, quai nẹp ngang màu đen, có sọc màu vàng-xanh, dưới đế có in chữ “40-41.225mm”; trả lại anh Phạm Văn D 01 áo blouse trắng, có ký hiệu BS.P.V.D.

[9] Về hành vi của Lý Văn C, sinh năm 1995; nơi thường trú: Thôn S, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái; tạm trú: Tổ 2, ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; theo lời khai của bị cáo Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 02/9/2005, thì bị cáo và Lý Văn C bắt đầu chung sống từ đầu năm 2021 (tại nhà trọ S, thuộc xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương) đến thời điểm “cuối năm 2021 bị cáo đã mang thai 08 tháng” và có đi khám thai tại Bệnh viện T (khi khám thai bị cáo khai tên Phạm Thị T, sinh năm 1993 là Di ruột của bị cáo; bà T xác nhận có việc bị cáo T mượn Căn cước công

dân của bà T để làm hồ sơ để đi sinh). Như vậy, căn cứ vào thời gian trên, thì hành vi của Lý Văn C có dấu hiệu cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại Điều 145 Bộ luật Hình sự. Nên Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát Điều tra có thẩm quyền tiếp tục điều tra làm rõ hành vi trên của Lý Văn C.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 153; Điều 38, Điều 47; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 260 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc T phạm tội “Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi”.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Trả lại bị cáo Trần Thị Ngọc T: 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Apple Iphone 4, màu đen, thân vỏ bị trầy nhiều (không kiểm tra chi tiết tình trạng hoạt động); 01 mắt kính có tròng màu trắng, gọng kính màu đen và 01 đôi dép nhựa, quai ngang màu đen, có sọc màu vàng-xanh, dưới đế có in chữ số “40-41.225mm”;

- Trả lại anh Phạm Văn D 01 (một) áo blouse màu trắng, có ký hiệu BSP.V.D (đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 080.24 ngày 26/02/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Công an thành phố Thủ Dầu Một).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

Nguyễn Duy Sinh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Sinh

